

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 25/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Thạch Văn Ổn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với *bị cáo*:

Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2003, tại Tiền Giang; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh S và bà: Nguyễn Thị Kim T; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Khánh T, trợ giúp viên pháp lý công tác tại T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

- Bị hại: Chị Võ Thị Hồng L, sinh năm 1981; nơi cư trú: khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Võ Thanh N, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

2. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

3. Anh Trương Minh T, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp ZH, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 02/12/2019, bị cáo Nguyễn Minh Đ không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B5-121.40 trên Quốc lộ 50 hướng Mỹ Tho đi thị xã Gò Công với vận tốc khoảng 60km/h. Đến KM 59 thuộc khu phố 6, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây do thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tay lái, không nhường đường cho người đi bộ nên va chạm vào chị Võ Thị Hồng L đi bộ qua đường từ phải S trái theo hướng đi của xe mô tô làm chị L vắng tới trước và ngã xuống đường. Lúc này anh Trương Minh T điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B5-414.05 chạy cùng chiều phía sau xe bị cáo không xử lý kịp nên va chạm vào người chị L. Hậu quả chị L bị thương.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 170/2020/TgT ngày 21/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của chị L là 83%.

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đường trải nhựa bằng phẳng, rộng 10,8 m, chia thành hai chiều xe chạy, được phân cách bằng kẻ đường đứt quãng, mỗi chiều có 02 làn xe, làn xe ô tô rộng 3,5 m, làn xe thô sơ rộng 1,9 m, tầm nhìn xa không hạn chế, tầm nhìn ngang bị hạn chế bởi nhà, cây cối. Chọn mép đường bên phải theo hướng từ Mỹ Tho đi thị xã Gò Công làm mép đường chuẩn; tâm vùng va chạm thứ nhất cách mép đường chuẩn 03 m, tâm vùng va chạm thứ hai cách mép đường chuẩn 3,45 m.

* Vật chứng thu giữ và xử lý như sau:

- 01 xe mô tô 63B5-121.40; 01 giấy Đ ký xe mô tô 63B5-121.40 mang tên Nguyễn Thị Kim T;

- 01 giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe 63B5-121.40. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T;

- 01 xe mô tô 63B5-414.05; 01 giấy Đ ký xe mô tô 63B5-414.05; 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe 63B5-414.05. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trương Minh T;

- 01 đĩa DVD trích xuất từ camera của cửa hàng đại lý bia Sài Gòn Muội, nội dung chứa File dữ liệu được sao chép nguyên trạng từ File dữ liệu gốc do camera ghi lại, được niêm phong trong phong bì;

- 01 File dữ liệu được trích xuất từ File dữ liệu gốc do camera ghi lại có nội dung giống nội dung File dữ liệu trong đĩa DVD và được lưu trữ vào 01 thẻ nhớ USB do Cơ quan điều tra cung cấp;

- 01 đĩa DVD trích xuất từ camera của cửa hàng vi tính camera Đức Hòa, nội dung chứa 02 File dữ liệu gốc do 02 camera khác nhau tại cửa hàng ghi lại, được niêm phong trong phong bì;

- 02 File dữ liệu được trích xuất từ File dữ liệu gốc do 02 camera khác nhau tại cửa hàng ghi lại có nội dung giống 02 File dữ liệu trong đĩa DVD, File dữ liệu được lưu trữ vào 01 thẻ nhớ USB do Cơ quan điều tra cung cấp.

Bản kết luận giám định số 421/GĐ-PC09 ngày 19/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận nội dung 03 đoạn video trong 02 đĩa DVD nêu trên không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung và hình ảnh.

* Trách nhiệm dân sự: Chị L đã nhận được tiền bồi thường 230.000.000 đồng (gồm gia đình bị cáo là 130.000.000 đồng, anh T là 100.000.000 đồng).

2. Truy tố:

Bản cáo trạng số 29/CT-VKSGCT ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ phạm tội theo Quyết định truy tố đối với bị cáo tại bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giữ xe mô tô 63B5-121.40 và giấy Đ ký xe mô tô 63B5-121.40 để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, bị cáo, anh S và chị T cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo, anh S và chị T liên đới nộp 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và buộc anh T nộp 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo:

- Thống nhất với cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa những người tham gia tố tụng về số tiền bồi thường.

- Vật chứng: Đề nghị trả xe mô tô 63B5-121.40 lại cho chị T.

- Án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Bị cáo Nguyễn Minh Đ nói lời sau cùng là rất hối hận với lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh :

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với cáo trạng, vật chứng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 02/12/2019, bị cáo Nguyễn Minh Đ không có giấy phép lái xe, điều khiển xe mô tô 02 bánh 63B5-121.40 trên Quốc lộ 50, do thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tay lái, không nhường đường cho người đi bộ nên va chạm vào chị Võ Thị Hồng L. Anh Trương Minh T điều khiển xe mô tô 02 bánh 63B5-414.05 chạy cùng chiều phía sau xe bị cáo không xử lý kịp nên tiếp tục va chạm vào người chị L.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 4 Điều 11 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể:

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

Khoản 9 quy định: *Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.*

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

Khoản 4 quy định: ... *Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.*

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, bản Cáo trạng số 29/CT-VKSGCT ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây và kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản, sức khỏe của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Cụ thể trong vụ án này, bị cáo đã gây ra tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể cho chị Võ Thị Hồng L là 83%. Hiện nay tình trạng vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, gây tai nạn xảy ra rất phổ biến trên phạm vi cả nước nói chung, địa bàn huyện Gò Công Tây nói riêng. Tai nạn giao thông thật sự là nỗi hoang mang đối với mọi người và hậu quả để lại là vô cùng to lớn. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về vật chứng: Xe mô tô 63B5-121.40 và giấy Đ ký xe 63B5-121.40 là tài sản của chị Nguyễn Thị Kim T. Theo hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thể hiện chị T không có lỗi trong việc để cho bị cáo sử dụng xe gây tai nạn nên trả xe lại cho chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo là người chưa thành niên, chưa bồi thường xong cho bị hại nên cần tiếp tục tạm giữ chiếc xe nêu trên để đảm bảo thi hành án.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Chị L đã nhận được tiền bồi thường 230.000.000 đồng (gồm gia đình bị cáo 130.000.000 đồng và anh Trương Minh T hỗ trợ 100.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Võ Thanh N và bị cáo Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Minh S, anh Trương Minh T tự nguyện thỏa thuận là bị cáo Đ, chị T, anh S và anh T cùng có nghĩa vụ liên đới tiếp tục bồi thường cho chị Võ Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng (trong đó bị cáo Đ, chị T, anh S là 125.000.000 đồng; anh T là 125.000.000 đồng). Xét thấy, sự

thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Minh S và anh Trương Minh T, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với hành vi của anh Trương Minh T: Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông và bản ảnh hiện trường của Cơ quan điều tra, lời khai của anh T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện sau tai nạn cạnh trên chân chống nghiêng của xe mô tô 63B5-414.05 có dính nhiều sợi màu đen (nghĩ là tóc) và có dính nhiều chất (nghĩ là mỡ), cần chống nghiêng có dính nhiều vết màu đỏ (nghĩ là máu) nhưng không được thu giữ. Kết luận giám định số 1100/GĐ-PC09 ngày 27/11/2020 và Kết luận giám định số 113/GĐ-PC09 ngày 22/02/2021 cùng của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận tại thời điểm xe bị cáo Đ va chạm vào người chị L thì vận tốc xe của anh T là từ 54km/h đến 60 km/h và khoảng cách giữa xe của anh T với xe của bị cáo là từ 10,47 m đến 12,4 m; trong khi đoạn đường xảy ra tai nạn là qua khu vực đông dân cư chỉ cho phép xe mô tô 02 bánh lưu thông với vận tốc tối đa là 50 km/h. Do anh T điều khiển xe quá tốc độ quy định và không giữ khoảng cách an toàn phù hợp nên không xử lý kịp dẫn đến va chạm vào người chị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận thấy có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội của anh T nên đã 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

[7] Ý kiến của người bào chữa đề nghị về xử lý vật chứng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là không có cơ sở nên chỉ được chấp nhận một phần đề nghị.

[8] Về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B5-121.40 và 01 (một) giấy Đ ký xe mô tô biển số 63B5-121.40 mang tên Nguyễn Thị Kim T để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây ngày 19/10/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Minh S và anh Trương Minh T cùng có nghĩa vụ liên đới tiếp tục bồi thường cho chị Võ Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng); trong đó anh Trương Minh T là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng); bị cáo Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Minh S là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Minh S cùng có nghĩa vụ liên đới nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Trương Minh T phải nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Minh Đ, chị Võ Thị Hồng L, anh Võ Thanh Nhẫn, chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Minh S và anh Trương Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Bùi Thanh Phú